

CÔNG TY CỔ PHẦN
GARMEX SÀI GÒN

GARMEX SAIGON

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số/No : 230 /CBTT-2020

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2020

HoChiMinh City , Nov.09th , 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN /*GARMEX SAIGON CORPORATION*
 - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: GMC
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh/ *252 Nguyen Van Luong, Ward 17, GoVap District, HoChiMinh City*
 - Điện thoại/ *Telephone*: 028-39844822
 - Fax: 028 - 39844746
 - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Minh Hằng
Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám đốc, phụ trách Tài chính và Đầu tư
- Loại thông tin công bố : ☐ định kỳ ☒ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu
Information disclosure type: ☐ Periodic ☒ Irregular ☐ 24 hours ☐ On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*): Đính chính số liệu 9 tháng 2019 trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ quý 3/2020,

Ngày 30/10/2020, Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn đã công bố báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý 3/2020, theo đó số liệu báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Báo cáo tài chính riêng quý 03/2020 mà công ty đã công bố bị sai sót cột chỉ tiêu số liệu báo cáo lưu chuyển tiền tệ 9 tháng năm 2019.

Nguyên nhân đính chính: do cập nhật nhầm số liệu một số chỉ tiêu của cột 6 tháng năm 2019 thay vì số liệu 9 tháng 2019.

Nay Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn đính kèm toàn văn báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng lẻ quý 3/2020 đã được cập nhật lại đúng theo số liệu 9 tháng 2019 đã công bố tháng 10 năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 09/11/2020 tại đường dẫn : <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

This information was disclosed on Company's Potral on date Nov 09th, 2020 Available at: https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any mispresentation.

Nơi gửi

- Như trên
- Lưu VP

Dại diện tổ chức/ Organization representative
Người ủy quyền/ *Party authorized to disclose information*



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN MINH HẰNG

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2020 vào ngày 30/09/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (BẢN ĐỊNH CHÍNH)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2020 vào ngày 30/09/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35,967,045,522	108,948,645,688
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	12,277,044,845	13,925,861,412
- Các khoản dự phòng	03	V.6	20,384,048,894	8,014,378,192
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2,476,137,986	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; V.8	(1,827,634,863)	(6,440,773,511)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6,206,818,998	6,129,849,254
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		75,483,461,382	130,577,961,035
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(56,998,454,659)	58,167,255,673
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		49,194,397,656	18,841,616,955
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(66,979,298,580)	3,317,454,022
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		134,282,796	1,389,357,380
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(6,380,121,699)	(6,678,405,048)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(7,043,374,182)	(40,286,272,002)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6,620,473,214)	(3,033,054,775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19,209,580,500)	162,295,913,240
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6,588,002,528)	(2,812,655,830)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.7; V.8	1,525,285,950	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		302,348,913	6,440,773,511
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4,760,367,665)	3,628,117,681

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2020 vào ngày 30/09/2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		133,527,255,000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		647,910,586,662	1,007,313,965,668
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(572,347,793,783)	(1,173,825,330,869)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(4,456,325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		209,090,047,879	(166,515,821,526)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		185,120,099,714	(591,790,605)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	229,769,985,766	120,427,425,740
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(506,520,486)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	414,383,564,994	119,835,635,135

Nguyễn Thị Diễm
Người lậpTrần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởngLê Hùng
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính